

Số: 915/2026/QĐST-VHNGĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 829/2026/TLST- VHNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/10/1974

Nơi thường trú: Cụm A, thôn N, xã T, thành phố Hà Nội

Căn cước công dân số: 00117402xxxx; Ngày cấp: 05/8/2022; Nơi cấp: Cục

C.

- Ông Trần Văn T, sinh ngày 14/01/1971

Nơi thường trú: Thôn N, xã T, thành phố Hà Nội

Căn cước công dân số: 00107102xxxx; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục

C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn ngày 28 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn T cùng thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn T có hai con chung là anh Trần Ngọc D, sinh năm 1995 và anh Trần Duy B, sinh năm 2003. Anh D1 và anh B đã đủ 18 tuổi; bà N và ông T không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề giao nuôi và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa không xem xét.

- **Về tài sản, nhà ở chung:** Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- **Về công nợ chung:** Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng lệ phí bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004691 ngày 26/8/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây – nay là xã Thường Tín, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 13/12/1993);
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội (Phòng Thi hành dân sự khu vực 11 – Hà Nội);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Hứa Thị Hà

